| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CL**<br>**TỈNH BT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 178/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Đoàn Minh Tư;

Bà Ngô Thị Thưởng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT*** *tham gia phiên toà:* bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Anh T - sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp TT1, xã TT2, huyện CL, tỉnh BT. có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: ông Võ Long G - Sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh BT. vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Mặt dù bà T vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện, biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25/4/2022 (bà T) trình bày:* Vào năm 2009 bà và ông Võ Long G được đến với nhau. Hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu, rồi chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán truyền thống. Đến ngày 17/07/2014 bà T và ông G mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện CL, tỉnh BT. Sau thời gian chung sống hạnh phúc được 5 năm đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cự cải, gây bất hòa, không có tiếng nói chung. Từ đó, bà và ông G không còn hạnh phúc nữa, mỗi người có một cuộc sống riêng. Bà T và ông G mâu

thuẩn ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được. Đến năm 2015 bà T trở về nhà cha mẹ ruột tại ấp TT1, xã TT2, huyện CL, tỉnh BT sinh sống cho đến nay và mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Long G, không yêu cầu cấp dưỡng  giữa vợ chồng khi ly hôn.

***Về con chung:*** Có 01 người con chung tên Võ Quốc H, sinh ngày 07/4/2009. Hiện đang sống chung với ông Võ Long G, tại ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh BT. Sau khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của con, theo ai thì người đó nuôi. Người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng tiền hàng tháng để nuôi con.

***Về tài sản và nợ chung:*** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn đối với bị đơn là ông G mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp, đồng thời Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà T với ông G đã có sự mâu thuẩn trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẩn gia đình, bà T có đơn yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông G nên đây là vụ kiện: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông G hiện đang cư trú tại ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, hôn nhân của bà T với ông G là trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Ông bà cũng đã đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện CL, tỉnh BT theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của bà T cho rằng về quan hệ hôn nhân của bà T với ông G đã có sự phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được là có căn cứ. Bỡi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông G đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà nhưng ông G vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Mặc khác, sau khi Tòa tống đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như thông báo về việc Tòa đã công khai các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho ông nhưng ông vẫn không có văn bản phản hồi, chứng tỏ ông G không quan tâm gì đến việc hôn nhân của ông bà. Mặc khác, theo biên bản xác minh ngày 15/6/2022 cho thấy ông G và bà T đã sống ly thân nhau từ 7 năm nay mà không hàng gắn được, càng cho thấy hôn nhân của ông G bà T đã có sự rạn nứt như bà T trình bày. Từ các căn cứ trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông G có một người con chung tên Võ Quốc H, sinh ngày 07/4/2009. Theo biên bản hỏi ý kiến con từ 7 tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân thì nguyện vọng cháu H muốn sống với ông G, hiện cháu H đã được ông Võ Long G nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo (thể hiện rỏ tại biên bản xác minh ngày 15/6/2022). Bà T cũng đồng ý để cháu H cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng, do đó, việc giao cháu H cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng sẽ không làm xáo trộn cuộc sống của cháu là phù hợp nên ghi nhận.

[5] Tài sản và nợ chung: bà T cho rằng giữa bà và ông G không có tài sản và nợ chung, ông G vẫn không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ kiện cũng không có ai yêu cầu gì liên quan đến nợ chung giữa bà T với ông G nên Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà T là có căn cứ pháp lý nên ghi nhận.

[6] Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Võ Long G.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: ghi nhận việc bà T đồng ý để cho ông Võ Long G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung của ông bà là cháu Võ Quốc H, sinh ngày 07/4/2009, hiện cháu H đang sống chung với ông Võ Long G, tại ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh BT.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà T và ông G có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Anh T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà T nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0006891, ngày 11 tháng 05 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Võ Long G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã LT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**LÊ THỊ THÚY HẰNG**